VNU Journal of Science: Policy and Management Studies

Journal homepage: https://js.vnu.edu.vn/PaM

Original Article

Directions for Improving the Legal Framework for Social Enterprises in Contemporary Vietnam

Tran Thi Nguyet*

National Economics University, 207 Giai Phong, Bach Mai, Hanoi, Vietnam

Received 05th March 2026
Revised 18th May 2026; Accepted 2nd November 2026

Abstract: This paper analyzes the current legal framework governing social enterprises (SEs) in Vietnam under the 2020 Law on Enterprises and relevant legislative instruments. It clarifies the organizational structure, legal status, and distinctive legal relations associated with SEs. Based on this analysis, the paper identifies several shortcomings, including the absence of a dedicated legal statute, an unclear certification mechanism, underdeveloped preferential policies, and a lack of integration with the innovation ecosystem. Drawing on these findings, the article proposes orientations for improving the legal framework by enacting a specialized law on social enterprises, establishing appropriate certification and support mechanisms, and aligning SEs with national goals for private sector development, innovation, and the Sustainable Development Goals (SDGs). This is a product of the University-level scientific research project of the National Economics University, code: NEU2-2025.16.

Keywords: Social enterprise; legal reform; legal framework on social enterprises; shortcomings.

* Corresponding author.
E-mail address: hn.moon@yahoo.com.vn

https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4620

Hướng hoàn thiện pháp luật về doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam hiện nay

Trần Thị Nguyệt*

Đại học Kinh tế Quốc dân, 207 Giải Phóng, Bạch Mai, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 5 tháng 3 năm 2026
Chỉnh sửa ngày 18 tháng 5 năm 2026; Chấp nhận đăng ngày 02 tháng 11 năm 2026

Tóm tắt: Bài báo phân tích thực trạng khung pháp lý điều chỉnh doanh nghiệp xã hội (DNXH) theo Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản liên quan, làm rõ hình thức tổ chức, địa vị pháp lý cũng như các quan hệ pháp luật đặc thù của DNXH. Trên cơ sở đó bài viết chỉ ra một số bất cập như: thiếu luật chuyên ngành, cơ chế chứng nhận chưa rõ ràng, chính sách ưu đãi chưa thực chất và chưa gắn kết với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Từ kết quả phân tích, bài báo đề xuất định hướng hoàn thiện pháp luật về DNXH theo hướng xây dựng luật chuyên ngành, thiết lập cơ chế công nhận và hỗ trợ phù hợp, gắn DNXH với mục tiêu phát triển kinh tế tư nhân, đổi mới sáng tạo và các cam kết phát triển bền vững. Sản phẩm của Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Đại học của Đại học Kinh tế Quốc dân, mã số: NEU2.

Từ khóa: DNXH; hoàn thiện; pháp luật về DNXH; bất cập.

1. Đặt vấn đề

DNXH là mô hình tổ chức kinh tế kết hợp giữa mục tiêu kinh doanh và sứ mệnh xã hội, góp phần giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường thông qua các hoạt động thị trường. Trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh phát triển kinh tế gắn với tiến bộ xã hội, DNXH được nhìn nhận như một công cụ pháp lý - kinh tế tiềm năng nhằm thúc đẩy tiến bộ xã hội và phát triển bền vững. Việc pháp luật hiện hành đã chính thức ghi nhận DNXH là một bước tiến quan trọng về mặt thể chế. Tuy nhiên, khung pháp lý hiện tại vẫn còn nhiều khoảng trống: chưa có cơ chế xác lập địa vị pháp lý đặc thù, thiếu hệ thống ưu đãi phù hợp và chưa bảo đảm đầy đủ yêu cầu về giám sát, minh bạch và hiệu quả xã hội. Tình trạng này đặt ra nhu cầu cấp thiết phải rà soát, đánh giá và hoàn thiện các quy định pháp luật hiện hành về DNXH theo hướng bảo đảm tính minh định, hiệu lực và khả thi.

2. Phần nội dung

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết vận dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu pháp lý nhằm phân tích, đánh giá và đề xuất hoàn thiện khung pháp luật về DNXH tại Việt Nam. Phương pháp phân tích, tổng hợp được sử dụng để hệ thống hóa các quy phạm pháp luật hiện hành qua đó nhận diện nội dung và cấu trúc điều chỉnh DNXH. Phương pháp so sánh luật học được áp dụng để đối chiếu pháp luật Việt Nam với kinh nghiệm một số quốc gia điển hình nhằm rút ra các bài học tham chiếu có giá trị. Đồng thời, bài viết kết hợp phân tích tình huống thực tiễn và sử dụng phương pháp luận lập

* Tác giả liên hệ.
Địa chỉ email: hn.moon@yahoo.com.vn

https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4620

pháp để xây dựng các kiến nghị hoàn thiện mang tính khả thi và phù hợp với điều kiện thể chế và pháp lý của Việt Nam. Chính vì vậy, tính mới của bài báo ở chỗ đề xuất tái định vị DNXH như một thiết chế pháp lý trung gian trong cấu trúc pháp luật về chủ thể kinh doanh thay vì chỉ nhìn nhận đây là một hình thức đăng ký đặc thù trong Luật Doanh nghiệp. Bài viết luận giải rằng những hạn chế của khuôn khổ pháp luật hiện hành không chỉ xuất phát từ sự thiếu hụt ưu đãi hay kỹ thuật lập pháp mà sâu xa hơn là từ sự chưa tương thích giữa mô hình điều chỉnh pháp luật hiện có với bản chất kép của DNXH: vừa theo đuổi mục tiêu xã hội vừa vận hành theo logic thị trường. Điểm mới của bài báo vì vậy nằm ở việc chuyển trọng tâm phân tích từ *quy chế pháp lý của một loại hình doanh nghiệp* sang *cấu trúc pháp lý của một thiết chế lai ghép*, qua đó mở ra định hướng hoàn thiện pháp luật theo hướng chuyên biệt, nhất quán và phù hợp hơn với chức năng xã hội của DNXH trong bối cảnh phát triển bền vững.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Thực trạng khung pháp luật hiện hành về doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam

Pháp luật Việt Nam hiện hành đã chính thức thừa nhận sự tồn tại của DNXH như một loại hình doanh nghiệp đặc thù trong nền kinh tế thị trường. Cơ sở pháp lý trực tiếp điều chỉnh DNXH hiện nay là Luật Doanh nghiệp năm 2020 trong đó Điều 10 quy định: "DNXH là doanh nghiệp được đăng ký thành lập theo quy định của Luật này, hoạt động nhằm mục tiêu giải quyết vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng; DNXH phải sử dụng ít nhất 51% tổng lợi nhuận hằng năm của mình để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường như đã đăng ký". Quy định này về bản chất đã tạo lập một khuôn khổ pháp lý nguyên tắc, xác lập tính hợp pháp và định danh của DNXH như một chủ thể kinh doanh mang mục tiêu xã hội rõ ràng.

Tuy nhiên việc Luật Doanh nghiệp 2020 chỉ dừng lại ở quy định mang tính định hướng đã khiến khung pháp lý điều chỉnh DNXH trở nên thiếu toàn diện và thiếu chiều sâu. Trước hết, Luật không thiết lập một chế định pháp lý độc lập cho DNXH mà chỉ coi DNXH là một hình thức đăng ký hoạt động của doanh nghiệp nói chung. Điều này khiến địa vị pháp lý và các quyền, nghĩa vụ đặc thù của DNXH không được phân định rõ ràng so với doanh nghiệp thông thường. Thứ hai, quy định về việc tái đầu tư tối thiểu 51% lợi nhuận để thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường vẫn chưa có hướng dẫn chi tiết về phương thức ghi nhận, giám sát hoặc xử lý khi DNXH không thực hiện đúng cam kết. Trong thực tiễn điều này dẫn đến tình trạng nhiều DNXH được thành lập chỉ để hợp thức hóa việc tiếp cận các nguồn tài trợ mà thiếu sự kiểm soát pháp lý về việc thực hiện sứ mệnh công cộng [1].

Về thủ tục thành lập, theo Nghị định số 01/2021/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp thì DNXH được lựa chọn trong biểu mẫu đăng ký kinh doanh như một loại hình có mục tiêu xã hội. Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chi tiết biểu mẫu này trong đó doanh nghiệp có thể cam kết trở thành DNXH tại thời điểm đăng ký [2]. Tuy nhiên việc cam kết này hoàn toàn dựa trên sự tự nguyện, không kèm theo yêu cầu chứng minh tính chính danh của mục tiêu xã hội hay cơ chế xác minh hay hậu kiểm độc lập.

Ngoài Luật Doanh nghiệp hiện chưa có luật chuyên ngành nào điều chỉnh toàn diện DNXH. Một số quy định gián tiếp có liên quan có thể tìm thấy trong Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 nơi DNXH có thể tiếp cận một số chính sách nếu đồng thời đáp ứng tiêu chí của DNNVV [3]. Tuy vậy Luật Hỗ trợ DNNVV không thiết kế cơ chế hỗ trợ riêng cho DNXH cũng không có định danh cụ thể về loại hình này. Điều đó khiến DNXH không được hưởng đầy đủ các hỗ trợ cần thiết mặc dù nó đang hoạt động vì lợi ích cộng đồng. Thêm vào đó, các lĩnh vực chính sách có liên quan như Luật Việc làm 2013, Luật Người khuyết tật 2010 hay Luật Trẻ em 2016 chỉ điều chỉnh các vấn đề xã hội ở góc độ đối tượng thụ hưởng chứ chưa tích hợp khái niệm DNXH như một thiết chế pháp lý tham gia vào việc thực thi chính sách. Điều này dẫn đến sự rời rạc, thiếu liên thông trong cách thức pháp luật tiếp cận DNXH từ góc độ toàn hệ thống. Từ

thực trạng trên có thể thấy, khung pháp luật hiện hành về DNXH tại Việt Nam đang tồn tại ba hạn chế cốt lõi đó là thiếu một đạo luật chuyên biệt điều chỉnh toàn diện mô hình DNXH; chưa có cơ chế pháp lý rõ ràng về xác lập, giám sát và xử lý hành vi vi phạm cam kết xã hội; thiếu vắng chính sách hỗ trợ gắn với sứ mệnh xã hội mà DNXH theo đuổi. Điều này làm suy giảm đáng kể động lực phát triển DNXH đồng thời hạn chế khả năng sử dụng pháp luật như một công cụ điều tiết và phát triển lĩnh vực kinh tế xã hội có tính lan tỏa và nhân văn này.

Nhu cầu hoàn thiện pháp luật về DNXH không chỉ xuất phát từ lập luận lý thuyết mà còn được đặt ra từ chính thực tiễn phát triển của khu vực này ở Việt Nam. Báo cáo nghiên cứu của British Council [4] cho thấy DNXH đã hiện diện từ khá sớm, phát sinh từ nhiều nguồn khác nhau như tổ chức xã hội, doanh nghiệp truyền thống, hợp tác xã và các sáng kiến cộng đồng, đồng thời hoạt động trong những lĩnh vực trực tiếp gắn với lợi ích công. Tuy nhiên, chính các nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng sự phát triển ấy chưa đi cùng với một khuôn khổ pháp lý đủ chuyên biệt, khiến DNXH vẫn phải vận hành trong một không gian pháp lý còn thiếu ổn định, thiếu cơ chế công nhận rõ ràng và thiếu các công cụ hỗ trợ tương xứng với sứ mệnh xã hội mà chúng theo đuổi.

2.2.2. Thực trạng hình thức pháp lý và địa vị pháp lý của doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam

Từ góc độ kỹ thuật lập pháp, DNXH không phải là một loại hình thái pháp lý (như công ty cổ phần hay công ty TNHH,…) mà là một cấu trúc có hình thái như quy định chung của Luật Doanh nghiệp và gắn thêm sứ mệnh xã hội lên trên các loại hình doanh nghiệp hiện có. Điều này tạo nên một hình thức tổ chức "lai ghép" vừa mang tính thương mại vừa phục vụ lợi ích công. Tuy nhiên việc DNXH không được xác lập như một loại hình pháp lý riêng biệt đã dẫn đến những bất cập trong việc bảo vệ đặc trưng pháp lý và bảo đảm sứ mệnh xã hội mà mô hình này theo đuổi. DNXH hiện chỉ được xác lập thông qua một lựa chọn trong biểu mẫu đăng ký doanh nghiệp theo Nghị định số 01/2021/NĐ-CP và Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT [5]. Việc trở thành DNXH mang tính tự nguyện, không có quy trình thẩm tra mục tiêu xã hội cũng như không có cơ chế kiểm soát thực thi và hậu kiểm độc lập sau khi được công nhận. Do đó về mặt hình thức thì DNXH không có địa vị pháp lý được luật hóa một cách đầy đủ và thường bị nhầm lẫn với các tổ chức từ thiện, tổ chức phi lợi nhuận hoặc doanh nghiệp truyền thống có trách nhiệm xã hội.

Một điểm đáng chú ý là pháp luật Việt Nam chưa quy định cụ thể về hệ quả pháp lý nếu doanh nghiệp không thực hiện đúng cam kết xã hội sau khi đã đăng ký là DNXH. Điều này dẫn đến tình trạng thiếu cơ chế ràng buộc và xử lý vi phạm đối với việc lợi dụng danh xưng DNXH để tiếp cận nguồn vốn ưu đãi hoặc xây dựng hình ảnh thương hiệu. Trong khi đó ở nhiều quốc gia như Vương quốc Anh hay Mỹ, các hình thức pháp lý như Community Interest Company (CIC) hay Benefit Corporation được luật hóa rõ ràng, kèm theo bộ tiêu chí pháp lý để xác định, giám sát và đánh giá việc thực hiện sứ mệnh xã hội [6]. Tại Việt Nam DNXH cũng chưa có cơ chế đại diện pháp lý riêng hoặc các tổ chức trung gian làm nhiệm vụ chứng thực và theo dõi việc tuân thủ mục tiêu xã hội. Điều này khiến địa vị pháp lý của DNXH mang tính "hữu danh vô thực", chưa đủ năng lực pháp lý để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tương ứng với vai trò trung gian giữa thị trường và xã hội. Thực tiễn cũng cho thấy DNXH ở Việt Nam không phải là một mô hình giả định mà đã tạo ra tác động xã hội cụ thể và bền bỉ trong nhiều năm. Trường hợp KOTO [7] là một minh chứng điển hình: tổ chức này vận hành mô hình đào tạo nghề trong lĩnh vực nhà hàng khách sạn cho thanh niên có hoàn cảnh khó khăn đồng thời là DNXH được công nhận hợp pháp tại Việt Nam. Sự tồn tại và phát triển của những mô hình như vậy cho thấy vấn đề đặt ra không phải là có hay không có DNXH trong thực tiễn mà là pháp luật đã hay chưa kiến tạo được một địa vị pháp lý đủ rõ, đủ ổn định và đủ đặc thù để bảo đảm cho mô hình này phát triển đúng với bản chất và sứ mệnh của nó. Như vậy xét từ góc độ pháp lý, DNXH tại Việt Nam vẫn đang nằm ở ranh giới giữa chủ thể kinh doanh và thiết chế phục vụ công. Việc thiếu một cơ chế pháp lý độc lập về hình thức tổ chức cũng

như chưa có khung pháp lý chi tiết bảo đảm cho địa vị pháp lý đặc thù đang làm suy giảm tính minh bạch, khả năng thu hút đầu tư xã hội và tính bền vững của mô hình này.

2.2.3. Thực trạng nội dung các quan hệ pháp luật về doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam

Thứ nhất, quan hệ thành lập và đăng ký DNXH được điều chỉnh bởi Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn như Nghị định số 01/2021/NĐ-CP và Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT. DNXH được thành lập theo các loại hình doanh nghiệp phổ biến (TNHH, cổ phần,…) nhưng cần bổ sung một tuyên bố cam kết thực hiện mục tiêu xã hội hoặc môi trường và mức tái đầu tư tối thiểu 51% lợi nhuận để đạt mục tiêu này (Điều 10 Luật Doanh nghiệp 2020). Việc tuyên bố cam kết này làm phát sinh một quan hệ pháp lý đặc biệt giữa DNXH và Nhà nước không chỉ là quan hệ quản lý doanh nghiệp thông thường mà còn mang hàm ý tín nhiệm và giám sát đối với cam kết công ích.

Thứ hai, quan hệ thực hiện sứ mệnh xã hội thể hiện tính đặc thù của DNXH. Đây là nội dung phân biệt DNXH với doanh nghiệp truyền thống và đòi hỏi phải có các chuẩn mực pháp lý đặc biệt. Tuy nhiên hiện nay pháp luật Việt Nam chưa có cơ chế đánh giá, giám sát hoặc hậu kiểm hiệu quả thực hiện mục tiêu xã hội. Điều này khiến quan hệ giữa DNXH và người thụ hưởng (ví dụ: người khuyết tật, nhóm yếu thế, cộng đồng địa phương...) thiếu ràng buộc pháp lý rõ ràng dẫn tới rủi ro về việc danh xưng DNXH không gắn liền với thực tiễn hoạt động. Trong khi đó các quốc gia như Anh (với mô hình CIC [8]) hoặc Mỹ (Benefit Corporation [9]) đều có hệ thống báo cáo tác động xã hội (impact reporting) theo quy chuẩn pháp lý bắt buộc [10].

Thứ ba, quan hệ phân phối lợi nhuận và trách nhiệm pháp lý đặc thù là một điểm nổi bật khác. DNXH phải tái đầu tư tối thiểu 51% lợi nhuận hằng năm vào hoạt động xã hội. Điều này tạo ra mối quan hệ pháp lý giữa DNXH với chính chủ sở hữu của nó đồng thời yêu cầu một chế độ kế toán, tài chính, kiểm toán minh bạch để bảo đảm nguyên tắc *không tư lợi*. Tuy nhiên hiện chưa có quy định cụ thể về việc xử lý trường hợp vi phạm cam kết tái đầu tư hay chế tài đối với việc không thực hiện đúng sứ mệnh đã cam kết khi đăng ký DNXH. Điều này làm suy yếu hiệu lực thực thi pháp luật và tạo ra *khoảng trống chế tài* trong hệ thống pháp lý hiện hành. Nhìn một cách tổng thể thì thấy các quan hệ pháp luật về DNXH tại Việt Nam đang ở giai đoạn sơ khai, thiếu sự cụ thể hóa và thiếu thiết chế trung gian để giám sát, đánh giá và đảm bảo thực thi cam kết xã hội. Việc thiết kế một khung pháp lý có khả năng điều chỉnh hiệu quả các quan hệ pháp lý đặc thù này là điều kiện tiên quyết để nâng cao vai trò của DNXH trong phát triển bền vững.

2.2.4. Những bất cập trong pháp luật về doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam

Dù đã chính thức được ghi nhận trong Luật Doanh nghiệp từ năm 2014 và tiếp tục khẳng định trong Luật Doanh nghiệp năm 2020 nhưng khung pháp lý điều chỉnh DNXH tại Việt Nam vẫn tồn tại nhiều hạn chế về nội dung và kỹ thuật lập pháp. Những bất cập này không chỉ làm suy giảm tính hiệu lực của quy định hiện hành mà còn hạn chế khả năng DNXH đóng góp một cách bền vững vào hệ sinh thái phát triển bao trùm. Trước hết, sự thiếu vắng một đạo luật chuyên biệt hoặc nghị định hướng dẫn chi tiết khiến cho quy phạm pháp luật hiện hành về DNXH mang tính khái quát cao và khó áp dụng trong thực tiễn quản lý nhà nước. Các nội dung cốt lõi như tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện mục tiêu xã hội, quy trình hậu kiểm cam kết xã hội hoặc chế tài xử lý khi DNXH không thực hiện đúng cam kết đều chưa được quy định cụ thể, dẫn đến nguy cơ lạm dụng hình thức DNXH như một phương tiện hợp thức hóa để tiếp cận ưu đãi mà không thực hiện trách nhiệm tương ứng. Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật hiện hành chưa phân biệt rõ DNXH với các loại hình doanh nghiệp thông thường, đặc biệt trong các lĩnh vực như thuế, đấu thầu, tiếp cận vốn và dịch vụ công. Sự thiếu nhất quán này làm suy giảm tính đặc thù của DNXH vốn là nền tảng lý luận cho mô hình doanh nghiệp kết hợp mục tiêu kinh tế và sứ mệnh xã hội. Ví dụ, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn hiện không có quy định rõ về ưu đãi thuế cho DNXH, trong khi tại nhiều quốc gia, DNXH được hưởng các cơ chế khuyến khích riêng biệt nhờ hoạt động vì mục tiêu công

ích [11]. Thêm vào đó, pháp luật hiện hành chưa thiết lập được một cơ chế ghi nhận và công nhận chính thức đối với DNXH. Việc không có hệ thống đánh giá độc lập hay chứng nhận từ phía Nhà nước dẫn đến việc thiếu niềm tin của nhà đầu tư, cộng đồng và đối tượng thụ hưởng. Mô hình *chứng nhận xã hội* (social enterprise certification) vốn phổ biến tại Anh (Community Interest Companies [12]) hay Mỹ (Benefit Corporations [13]) được đánh giá là công cụ hiệu quả nhằm vừa đảm bảo minh bạch vừa tạo động lực cho sự phát triển DNXH [14]. Ví dụ của Tòhe [15] cho thấy rõ giá trị của DNXH khi kết hợp cơ chế thị trường với mục tiêu công ích. Theo thông tin công bố trên trang chính thức, Tòhe là DNXH thành lập từ năm 2006 với sứ mệnh tạo ra sân chơi sáng tạo cho trẻ em đặc biệt. Các tác phẩm của trẻ em được tuyển chọn, phát triển thành sản phẩm thương mại và một phần doanh thu được hoàn lại cho các em như tiền bản quyền. Mô hình này cho thấy tác động xã hội không nằm ngoài hoạt động kinh doanh mà được tích hợp ngay trong cấu trúc vận hành của doanh nghiệp. Chính vì vậy, việc hoàn thiện pháp luật không nên chỉ dừng ở ghi nhận tư cách pháp lý hình thức mà cần tiến tới xây dựng cơ chế công nhận, báo cáo và giám sát tác động xã hội một cách minh bạch và khả thi hơn.

Về mặt kỹ thuật pháp lý, quy định tại Điều 10 Luật Doanh nghiệp 2020 vẫn mang tính "lồng ghép" thay vì xây dựng một cấu trúc pháp lý tương thích với tính lai ghép của DNXH vốn là một chủ thể kết hợp giữa logic kinh doanh và định hướng phục vụ công ích. Việc áp dụng mô hình công ty TNHH hoặc công ty cổ phần thông thường cho DNXH mà không có cơ chế điều chỉnh bổ sung về quản trị, phân phối lợi nhuận và quyền tham gia của cộng đồng dễ dẫn tới rủi ro phá vỡ cân bằng giữa mục tiêu xã hội và lợi ích tư nhân. Thiếu vắng cơ chế giám sát và công cụ thực thi là điểm nghẽn lớn nhất. Không có yêu cầu bắt buộc về báo cáo tác động xã hội, kiểm toán trách nhiệm xã hội hay điều kiện duy trì tư cách DNXH đã khiến pháp luật hiện hành trở nên hình thức và khó bảo đảm nguyên tắc trách nhiệm giải trình vốn là một yêu cầu cơ bản đối với bất kỳ tổ chức nào sử dụng nguồn lực vì lợi ích cộng đồng [16]. Những bất cập nêu trên cho thấy pháp luật về DNXH tại Việt Nam vẫn đang ở giai đoạn sơ khai và cần được hoàn thiện một cách hệ thống đặc biệt là trong bối cảnh ngày càng gia tăng vai trò của khu vực kinh tế tư nhân vì mục tiêu phát triển bền vững.

2.2.5. Định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về DNXH ở Việt Nam

Trong bối cảnh Việt Nam đang thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia và hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững thì việc hoàn thiện pháp luật về DNXH cần được định hướng theo hướng không chỉ khắc phục những bất cập hiện hành mà còn phát huy tiềm năng đặc thù của DNXH như một mô hình tổ chức trung gian giữa thị trường và Nhà nước nhằm mang lại giá trị kép: hiệu quả kinh tế và giá trị xã hội.

i) Xây dựng đạo luật riêng về DNXH

Thực tiễn thi hành Luật Doanh nghiệp 2020 cho thấy việc quy định DNXH trong một điều luật duy nhất (Điều 10) là chưa đủ để điều chỉnh đầy đủ các khía cạnh pháp lý đặc thù của mô hình này. Do đó cần xây dựng một *đạo luật chuyên biệt về DNXH hay ít nhất là một văn bản dưới luật chuyên biệt* với các định hướng:

- *Thứ nhất,* xác lập tư cách pháp lý rõ ràng của DNXH, phân biệt với các loại hình doanh nghiệp thông thường và tổ chức phi lợi nhuận. Luật cần làm rõ tiêu chí xác định DNXH dựa trên mục tiêu hoạt động, cách phân phối lợi nhuận và trách nhiệm với cộng đồng.

- *Thứ hai,* quy định chi tiết về quản trị nội bộ nhất là cơ chế ràng buộc việc tái đầu tư lợi nhuận, bảo vệ mục tiêu xã hội trong suốt vòng đời hoạt động của doanh nghiệp.

- *Thứ ba,* quy định về cơ chế giải thể, chuyển đổi, hợp nhất, chia tách DNXH để đảm bảo quyền lợi của các nhóm yếu thế và duy trì sứ mệnh xã hội khi có thay đổi về cấu trúc tổ chức.

- *Thứ tư,* quy định rõ về trách nhiệm công bố thông tin bao gồm báo cáo tài chính và báo cáo tác động xã hội định kỳ nhằm bảo đảm tính minh bạch và khả năng giám sát từ phía Nhà nước và cộng đồng.

ii) Thiết lập cơ chế giám sát, đánh giá và chứng nhận độc lập

Một trong những điểm yếu hiện nay là không có cơ chế kiểm chứng và công nhận độc lập tư cách DNXH. Vì vậy trong giai đoạn tới Việt Nam cần thực hiện tốt những việc sau:

- Thành lập hoặc giao nhiệm vụ cho một cơ quan độc lập hoặc tổ chức trung gian chuyên trách có thể thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoặc dưới dạng hợp tác công tư (PPP) làm nhiệm vụ chứng nhận và giám sát DNXH.

- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá tác động xã hội dựa trên các chỉ số định lượng và định tính (ví dụ: số lượng người được hưởng lợi, tỷ lệ lao động yếu thế, mức độ cải thiện dịch vụ công thiết yếu,...

- Áp dụng cơ chế kiểm toán xã hội (social audit) và báo cáo tác động (impact reporting) như các mô hình ở châu Âu, Mỹ để DNXH chủ động chứng minh hiệu quả thực hiện sứ mệnh xã hội của mình.

- Kết nối chứng nhận pháp lý với tiếp cận ưu đãi nhằm tạo động lực tuân thủ và phát triển bền vững.

iii) Hoàn thiện chính sách ưu đãi và cơ chế hỗ trợ đặc thù

- Xây dựng danh mục chính sách ưu đãi riêng cho DNXH trong các luật và chương trình như Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật Đấu thầu với các ưu đãi về thuế, tiếp cận vốn, ưu tiên đấu thầu các gói cung cấp dịch vụ công cho nhóm yếu thế.

- Thành lập Quỹ đầu tư tác động xã hội (Social Impact Fund) có sự đồng tài trợ từ ngân sách và khu vực tư nhân, tạo điều kiện tiếp cận vốn dài hạn với lãi suất ưu đãi cho các DNXH thực hiện mục tiêu xã hội rõ ràng.

- Thúc đẩy hình thành thị trường đầu tư tác động với sự tham gia của các tổ chức tài chính phát triển (DFIs), quỹ thiện nguyện và nhà đầu tư thiên về trách nhiệm xã hội (ESG investors).

- Hỗ trợ về đào tạo, kết nối và tư vấn, thông qua chương trình hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm đổi mới xã hội tại các trường đại học và tổ chức xã hội dân sự.

iv) Củng cố năng lực thực thi và nâng cao nhận thức thể chế

- Tổ chức đào tạo chuyên sâu cho cán bộ quản lý tại các bộ, ngành, địa phương về khung pháp lý và giám sát DNXH, thông qua chương trình của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ và các viện nghiên cứu.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về DNXH, phục vụ công tác thống kê, phân tích chính sách và theo dõi tác động.

- Tăng cường truyền thông và giáo dục công cộng, tích hợp nội dung về DNXH vào chương trình đào tạo đại học nhất là các ngành kinh tế, pháp luật và công tác xã hội.

v) Gắn kết DNXH với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững

DNXH không chỉ đóng vai trò cung ứng dịch vụ cho nhóm yếu thế mà còn là tác nhân thúc đẩy đổi mới xã hội (social innovation). Do đó ta có thể cần phải lồng ghép DNXH vào hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, thông qua việc thừa nhận DNXH như một loại hình ưu tiên trong các chương trình của Bộ KH&CN, Bộ GD&ĐT và Đề án 844 cũng như kế hoạch/đề án đổi mới sáng tạo sau này. Đồng thời hỗ trợ DNXH tiếp cận công nghệ, chuyển đổi số, nền tảng số và dữ liệu mở nhằm nâng cao năng lực vận hành và tiếp cận nhóm thụ hưởng hiệu quả hơn. Bên cạnh đó là tạo mối liên kết DNXH với mục tiêu phát triển bền vững (Sustainable Development Goals-SDGs [17]) bằng cách xây dựng các bộ chỉ số đo lường tác động xã hội phù hợp với từng mục tiêu từ đó tích hợp vào các kế hoạch phát triển cấp địa phương và ngành.

Các định hướng và kiến nghị nêu trên không chỉ hướng đến việc xử lý những bất cập trong khung pháp luật hiện tại mà còn thiết kế lộ trình thể chế hóa DNXH như một bộ phận trọng yếu trong sự phát triển kinh tế tư nhân có trách nhiệm và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Đây là cơ sở pháp lý để DNXH trở thành lực lượng cốt lõi trong chiến lược phát triển bền vững và phát triển xã hội toàn diện tại Việt Nam.

3. Kết luận

Pháp luật về DNXH tại Việt Nam hiện nay đã bước đầu xác lập vị trí pháp lý cho mô hình tổ chức này thông qua Luật Doanh nghiệp 2020. Tuy nhiên, khuôn khổ pháp lý hiện hành vẫn còn phân tán, thiếu tính hệ thống và chưa đáp ứng

đầy đủ các yêu cầu thực tiễn quản lý cũng như đặc thù hoạt động của DNXH vốn kết hợp mục tiêu xã hội với phương thức vận hành doanh nghiệp. Bài viết đã chỉ ra các bất cập về: thiếu luật chuyên ngành điều chỉnh DNXH; chưa có cơ chế chứng nhận và giám sát độc lập; chính sách ưu đãi chưa hiệu quả; việc lồng ghép DNXH vào hệ sinh thái khởi nghiệp, đầu tư tác động và phát triển bền vững còn hạn chế. Các điểm nghẽn này cản trở DNXH phát huy vai trò là chủ thể cung ứng dịch vụ xã hội sáng tạo, bền vững và hướng tới nhóm yếu thế. Trên cơ sở đó, bài viết kiến nghị hoàn thiện pháp luật theo hướng: xây dựng luật chuyên ngành về DNXH; thiết lập cơ chế chứng nhận và giám sát độc lập; tăng cường ưu đãi tài chính; đẩy mạnh thể chế thực thi và lồng ghép DNXH trong chiến lược phát triển kinh tế tư nhân, đổi mới sáng tạo và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Đây không chỉ là yêu cầu khách quan từ thực tiễn mà còn là định hướng lập pháp cần thiết nhằm thể chế hóa các giá trị xã hội trong tiến trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

[1] N. N. Huyen, Law Governing Social Enterprises in Vietnam - Some Theoretical and Practical Issues, Journal of State and Law, No. 3, Vol. 391, 2021, pp. 45-52 (in Vietnamese).

[2] Government of Vietnam, Decree No. 01/2021/ND-CP Dated January 4, 2021 on Enterprise Registration; Ministry of Planning and Investment of Vietnam, Circular No. 01/2021/TT-BKHDT Dated March 16, 2021 Guiding Enterprise Registration (in Vietnamese).

[3] National Assembly of Vietnam, Law on Support for Small and Medium-Sized Enterprises No. 04/2017/QH14 Dated June 12, 2017 (in Vietnamese).

[4] N. D. Cung, L. M. Duc, P. K. Oanh, T. T. H. Gam, Social Enterprise in Vietnam: Concept, Context and Policies, Central Institute for Economic Management, British Council Vietnam and Centre for Social Initiatives Promotion, Hanoi, 2012, https://www.britishcouncil.vn/sites/default/files/dnxh-tai-viet-nam-khai-niem-boi-canh-chinh-sach.pdf (accessed on: February 11th, 2026) (in Vietnamese).

[5] Government of Vietnam, Decree No. 01/2021/ND-CP Dated January 4, 2021 on Enterprise Registration; Ministry of Planning and Investment of Vietnam, Circular No. 01/2021/TT-BKHDT Dated March 16, 2021 Guiding Enterprise Registration (in Vietnamese).

[6] W. H. Clark, L. Vranka, The Need and Rationale for the Benefit Corporation: Why It Is the Legal Form That Best Addresses the Needs of Social Entrepreneurs, Investors, and Ultimately, the Public, White Paper, BenefitCorp.net, 2013, https://benefitcorp.net/for-attorneys/benefit-corp-white-paper; OECD, Designing Legal Frameworks for Social Enterprises: Practical Guidance for Policy Makers, Local Economic and Employment Development, OECD Publishing, Paris, 2022, https://doi.org/10.1787/172b60b2-en.

[7] KOTO, Who We Are, https://www.koto.com.au/about-us/who-we-are; KOTO, Home Page, https://www.koto.com.au/ (accessed on: February 11th, 2026).

[8] Office of the Regulator of Community Interest Companies, Community Interest Companies Guidance, https://www.gov.uk/government/publications/community-interest-companies-how-to-form-a-cic/community-interest-companies-guidance-chapters (accessed on: February 11th, 2026).

[9] B Lab U. S. & Canada, Benefit Corporations, https://usca.bcorporation.net/benefit-corporation/ (accessed on: February 11th, 2026).

[10] W. H. Clark, L. Vranka, The Need and Rationale for the Benefit Corporation: Why It Is the Legal Form That Best Addresses the Needs of Social Entrepreneurs, Investors, and Ultimately, the Public, White Paper, BenefitCorp.net, 2013, https://benefitcorp.net/for-attorneys/benefit-corp-white-paper; OECD, Designing Legal Frameworks for Social Enterprises: Practical Guidance for Policy Makers, Local Economic and Employment Development, OECD Publishing, Paris, 2022, https://doi.org/10.1787/172b60b2-en.

[11] OECD, Designing Legal Frameworks for Social Enterprises: Practical Guidance for Policy Makers, Local Economic and Employment Development, OECD Publishing, Paris, 2022, https://doi.org/10.1787/172b60b2-en.

[12] Office of the Regulator of Community Interest Companies, Community Interest Companies Guidance, https://www.gov.uk/government/publications/com

munity-interest-companies-how-to-form-a-cic/community-interest-companies-guidance-chapters (accessed on: February 11th, 2026).

[13] B Lab U.S. & Canada, Benefit Corporations, https://usca.bcorporation.net/benefit-corporation/ (accessed on: February 11th, 2026).

[14] W. H. Clark, L. Vranka, The Need and Rationale for the Benefit Corporation: Why It Is the Legal Form That Best Addresses the Needs of Social Entrepreneurs, Investors, and Ultimately, the Public, White Paper, BenefitCorp.net, 2013, https://benefitcorp.net/for-attorneys/benefit-corp-white-paper (accessed on: February 11th, 2026).

[15] Tòhe, Home Page, https://www.tohe.vn/; Tòhe, Operational Model, https://www.tohe.vn/pages/mo-hinh-hoat-dong (accessed on: February 11th, 2026). (in Vietnamese).

[16] D. B. Reiser, Trust and Scale in Global Social Enterprise Law, Stanford Social Innovation Review, Vol. 22, No. 2, 2024, pp. 38-45, https://doi.org/10.48558/0761-B824.

[17] UNDP, Sustainable Development Goals, https://www.undp.org/sustainable-development-goals (accessed on: February 11th, 2026).